

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18-02-2025
V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S - TỈNH LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bình Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Đức Sơn;
2. Bà Hoàng Thị Dín.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Ngọc Long - Thư ký Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Tráng A Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2025 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2024/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 02 năm 2024; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh V S X, sinh năm 1979.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn L S, xã L T, huyện S, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị G T S, sinh năm 1978.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn L S, xã L T, huyện S, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Đỗ Thị Ngọc - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

3. *Người phiên dịch:* Bà L T N, sinh năm 1991.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn S C, xã N S, huyện S, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Đơn khởi kiện của anh V S X đề ngày 16/10/2024, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh X trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị S về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 27/7/2002 tại UBND xã L S (nay là xã L T), huyện S, tỉnh Lào Cai. Quá trình chung sống vợ chồng anh chỉ hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày và làm ăn phát triển kinh tế dẫn đến thường xuyên xảy ra việc đánh, cãi chửi nhau. Năm 2022 sau khi vợ chồng cãi nhau thì chị S đi thấp hương theo phong tục tại địa phương như vậy nghĩa là chị S mong muốn anh

chết, từ đó vợ chồng cãi chửi nhau nhiều hơn và mâu thuẫn trở nên trầm trọng hơn. Do mâu thuẫn vợ chồng nên anh đã phải chuyển sang nhà em trai ở cạnh nhà từ năm 2020, nhưng do 02 hai nhà ở cạnh nhau nên anh chị vẫn thường xuyên cãi chửi nhau, vợ chồng không ăn, không ngủ cùng nhau từ năm 2020 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng anh đã sống ly thân một thời gian rất dài không còn tình nghĩa, nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị G T S.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị S có với nhau 03 con chung các cháu tên là V T M sinh năm 1997, cháu V T S sinh năm 1999 và cháu V V T sinh ngày 04/11/2004, cháu M đã xây dựng gia đình và ở riêng, cả ba cháu đã trên 18 tuổi khỏe mạnh và phát triển bình thường, do vậy anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng con khi ly hôn.

- Về tài sản chung quyền và nghĩa vụ về tài sản: Anh không yêu cầu tòa án giải quyết.

2. Yêu cầu của bị đơn:

- Về quan hệ hôn nhân chị S trình bày và đề nghị: Chị và anh X về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, đến ngày 27/7/2002 mới đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã L T, huyện S, tỉnh Lào Cai. Giữa chị và anh X đã mâu thuẫn với nhau từ rất lâu rồi, vợ chồng không còn tình nghĩa, không nói chuyện với nhau, giữa chị và anh X đã sống ly thân với nhau cho đến nay đã được 07-08 năm, trước thời điểm Tòa án hòa giải vụ án do các con của chị đang đi làm ăn ở xa nên chị đã xin Tòa án để Tết nguyên đán năm 2025 các cháu về nhà họp gia đình qua Tết mới hòa giải. Nay anh X kiện ly hôn với chị về quan hệ hôn nhân thì tình nghĩa giữa chị và anh X không còn nhưng anh X phải giải quyết chia tài sản cho chị thì chị mới đồng ý ly hôn. Nếu anh X không chia tài sản cho chị thì đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải chị không đồng ý ly hôn và không có yêu cầu phản tố.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh V S X có với nhau 03 con chung các cháu tên là V T M sinh năm 1997, cháu V T S sinh năm 1999 và cháu V V T sinh ngày 04/11/2004, cháu M đã xây dựng gia đình và ở riêng, cả ba cháu đã trên 18 tuổi khỏe mạnh và phát triển bình thường, do vậy chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng con khi ly hôn.

- Về tài sản chung; quyền và nghĩa vụ về tài sản: Ngày 05 tháng 02 năm 2025 Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án. Tại phiên hòa giải chị trình bày nếu anh X không thỏa thuận được về tài sản với chị thì chị sẽ đề nghị Tòa án giải quyết. Đến ngày 06 tháng 02 năm 2025 chị S mới nộp đơn tiêu đề ghi đơn khởi kiện ly hôn nộp đến Tòa án.

3. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

3.1. Về việc chấp hành luật tố tụng:

- Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 28, 35, 39; xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68; xác minh thu thập chứng cứ, giao nhận, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng quy định tại các Điều từ 93 đến Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy

định tại Điều 195, 196; thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong quá trình xét xử vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70,71,72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

3.2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội xét xử theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh V S X giải quyết cho anh V S X được ly hôn với chị G T S.

- Tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

3. 3. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm pháp luật: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn chị S có địa chỉ nơi cư trú tại xã L T, huyện S do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S theo quy định tại Điều 28, 35, 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã giao cho nguyên đơn, bị đơn đầy đủ các văn bản tố tụng dân sự, ban đầu tại các buổi làm việc nửa chừng chị S đã đến đề Tòa án lấy lời khai nhưng chị cãi nhau với anh X và bỏ về. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 05/02/2025 cả nguyên đơn và bị đơn đều có mặt, sau khi Tòa án thông qua nội dung hai biên bản được người phiên dịch dịch lại cho bị đơn nghe, nhưng bị đơn S không ký biên bản bỏ về nên Tòa án lập biên bản về việc bị đơn không ký biên bản và giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Ban đầu tình cảm giữa hai vợ chồng anh chị sống hạnh phúc, cho đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không còn tình nghĩa, không nói chuyện với nhau, sống ly thân với nhau cho đến nay đã được 07-08 năm. Theo anh X năm 2022 sau khi vợ chồng cãi nhau thì chị S đi thấp hương mà theo phong tục tại địa phương như vậy nghĩa là chị S mong muốn anh chết, từ đó vợ chồng cãi chửi nhau nhiều hơn và mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng hơn, từ năm 2020 anh X chuyển sang nhà em trai để ở, nhưng do 02 hai nhà ở cạnh nhau nên vợ chồng vẫn thường xuyên cãi chửi nhau, không ăn, không ngủ cùng nhau từ đó cho đến nay. Chị S thừa nhận giữa chị và anh X đã sống ly thân với nhau cho đến nay đã được 07- 08 năm, chị trình bày do các con của chị đang đi làm ăn ở xa nên chị đã xin Tòa án để Tết nguyên đán năm 2025 các cháu về nhà họp gia đình qua Tết mới hòa giải. Phiên hòa giải chị trình bày tình nghĩa giữa chị và anh X không còn nhưng anh X phải giải quyết chia tài sản cho chị thì chị mới đồng ý ly hôn, nếu anh X không chia tài sản cho chị thì đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Qua làm việc với chị S thấy rằng chị không hài lòng về việc anh X do anh sống thiếu trách nhiệm, không quan tâm, lo lắng cho vợ con, để mặc một mình người phụ nữ (chị S) bươn chải cuộc sống để nuôi các con khôn lớn, nhận thấy anh X là một người chồng, người cha thiếu trách nhiệm trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân với nhau một thời gian dài, không còn quan tâm chăm sóc tới nhau, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để giải quyết về quan hệ hôn nhân theo quy định của pháp luật. Về tài sản anh X không thỏa thuận được với chị S thì chị sẽ đề nghị Tòa án giải quyết bằng vụ án khác. Anh X phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[3]. *Về nuôi dưỡng con khi ly hôn*: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có với nhau 03 con chung là cháu V T M sinh năm 1997, cháu V T S sinh năm 1999 và cháu V V T sinh ngày 04/11/2004. Nay cả 03 cháu đã trưởng thành trên 18 tuổi và đều khỏe mạnh phát triển bình thường, anh X và chị S không yêu cầu giải quyết việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4]. *Về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản*: Nguyên đơn anh V S X không đề nghị Tòa án giải quyết. Tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 05 tháng 02 năm 2025 chị S không đồng ý ly hôn và không có yêu cầu phản tố. Đến ngày 06 tháng 02 năm 2025 chị S nộp đơn tiêu đề ghi đơn khởi kiện ly hôn nhưng có trình bày về tài sản và yêu cầu Tòa án giải quyết tất cả các tài sản gồm đất nương rẫy, đất rừng, đất ruộng, nhà ở để lại cho cháu V V T; về công nợ chị trình bày anh X nợ chị 20.000 nhân dân tệ (CNY). Nhận thấy sau thời điểm Tòa án tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn mới nộp đơn yêu cầu giải quyết về tài sản. Theo quy định tại khoản 3 Điều 200 của Bộ luật tố tụng dân sự tòa án không đưa yêu cầu này vào xem xét giải quyết trong vụ án này, nếu chị S có yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản của vợ chồng thì có thể khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án dân sự riêng.

[5]. *Về nghĩa vụ chịu án phí*: Khi khởi kiện anh V S X có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí đồng thời giao nộp Giấy chứng nhận năm 2024 gia đình anh X thuộc hộ nghèo. Đến phiên tòa mở ngày 18 tháng 02 năm 2025 anh X không nộp chứng cứ xác nhận hộ gia đình anh năm 2025 là hộ nghèo hoặc cận nghèo nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị Quyết số 326/2026/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho anh V S X được ly hôn với chị G T S.

Quan hệ hôn nhân giữa anh V S X và chị G T S chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. *Về án phí:* Anh V S X phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. *Quyền kháng cáo đối với bản án:* Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS ND H. S (2);
- Chi cục THADS H. S;
- UBND xã L T,
huyện S, tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Trần Bình Trọng